

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Chu Hoàng	Thạch	3575010691	03/03/1993	,00	2,80	2,00	
2	Trần Hữu Duy	Quang	3575011314	12/11/1992	,00			Nợ HP
3	Đỗ Long	Thắng	3575011363	04/05/1993	,00			Nợ HP
4	Hồ Văn	Thi	3671050036	29/01/1993	,00			Nợ HP
5	Hoàng Cảnh	Đạo	3671050316	18/04/1992	1,50			
6	Đỗ Ngọc	Hùng	3671051153	24/05/1993	,00			Nợ HP
7	Huỳnh Tấn	Duy	3671051618	00/00/1993	,00			Nợ HP
8	Nguyễn Thanh	Hải	3671051678	24/08/1994	,00			Nợ HP
9	Bùi Anh	Khoa	3671051881	25/06/1993	,00			Nợ HP
10	Trần	Lực	3671052039	12/04/1994	1,50			
11	Nguyễn Trung	Trúc	3672050050	18/12/1994	,00			Nợ HP
12	Đinh Văn	Châu	3672050325	07/11/1993	5,50	5,50	5,50	
13	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994	9,00	,80	3,30	
14	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	8,00	2,80	4,40	
15	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	7,00	,00	2,10	
16	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994	3,00	,00	,90	
17	Nguyễn Thành	Vương	3771020359	01/06/1994	9,00	4,80	6,10	
18	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	7,00	2,50	3,90	
19	Nguyễn Kim	Tâm	3771020370	13/09/1995	6,00	1,50	2,90	
20	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	7,00	,00	2,10	
21	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	6,50	,00	2,00	
22	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	4,50	2,50	3,10	
23	Phạm Văn	Thông	3771020398	26/05/1995	9,50	7,50	8,10	
24	Trịnh Viết	Động	3771020411	08/11/1993	8,00	4,80	5,80	
25	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	5,50	,00	1,70	
26	Trần Ngọc	Trung	3771020421	01/11/1995	10,00	3,00	5,10	
27	Nguyễn Phúc	Lộc	3771020425	05/01/1994	,00			
28	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995	5,00	3,00	3,60	
29	Hồ Văn	Quyền	3771020428	28/05/1995	7,50	,50	2,60	
30	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	9,00	3,50	5,20	
31	Nguyễn Tôn Bảo	Trình	3771020451	21/07/1995	,00			
32	Bùi Hữu	Phúc	3771020453	19/08/1994	7,00	6,00	6,30	
33	Lương Xuân	Hân	3771020455	16/07/1995	4,00	,00	1,20	
34	Nguyễn Đình	Hòa	3771020466	28/06/1993	,00			
35	Trần Đức	Thuận	3771020479	24/04/1995	10,00	9,50	9,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Ngọc	Hưng	3771020481	28/02/1994	5,00	2,50	3,30	
37	Lê Văn	Đồng	3771020483	05/05/1995	6,50	,50	2,30	
38	Hồ Quốc	Chi	3771020485	09/09/1994	8,50	5,00	6,10	
39	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	7,00	5,30	5,80	
40	Nguyễn Hoàng	Huy	3771020495	18/02/1993	,00			
41	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	6,50	1,00	2,70	
42	Đinh Thế	Hào	3771020503	12/07/1995	2,50	1,00	1,50	
43	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995	7,00	1,30	3,00	
44	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995	6,50	2,50	3,70	
45	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	5,50	1,50	2,70	
46	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	6,00	1,50	2,90	
47	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	6,50	3,50	4,40	
48	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	6,50	2,00	3,40	
49	Nguyễn Hoàng	Nhon	3771020523	26/01/1993	5,50	,00	1,70	
50	Phạm Khải	Thành	3771020530	28/10/1995	8,00	1,50	3,50	
51	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	7,50	3,00	4,40	
52	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	7,00	2,00	3,50	
53	Nguyễn Thanh	Công	3771020537	20/12/1995	5,00	1,50	2,60	
54	Trần Văn	Hưng	3771020548	08/11/1995	7,00	3,30	4,40	
55	Vũ Văn	Hưng	3771020551	14/04/1994	5,50	3,50	4,10	
56	Đồng Thị Ngọc	Vy	3771020553	21/10/1995	7,50	,80	2,80	
57	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995	8,00	7,00	7,30	
58	Bùi Phạm Hoàng	Tuấn	3771020563	28/01/1995	1,50			
59	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	6,00	,00	1,80	
60	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995	6,00	3,00	3,90	
61	Nguyễn Văn Thái	Duy	3771020572	22/12/1995	,00	,00	,00	CT
62	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994	6,50			
63	Ông Văn	Hùng	3771020577	17/09/1994	5,50	2,50	3,40	
64	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995	8,50	5,30	6,30	
65	Nguyễn Đức	Anh	3771020583	26/02/1994	6,00	1,30	2,70	
66	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	7,00	3,50	4,60	
67	Diệp Từ	Huân	3771020591	28/11/1995	,00	,00	,00	CT
68	Nguyễn Bình	Nghinh	3771020595	08/09/1993	,00	,00	,00	CT
69	Lê Văn	Huy	3771020598	14/01/1993	6,50	2,50	3,70	
70	Đoàn Văn	Huyện	3771020600	18/10/1995	6,50	1,80	3,20	
71	Nguyễn Văn	Hạnh	3771020603	10/08/1991	5,50	4,00	4,50	
72	Nguyễn Thanh	Bình	3771020606	02/04/1993	6,00	5,80	5,90	
73	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	5,00	,00	1,50	
74	Phan Tấn	Vinh	3771020612	12/09/1995	10,00	6,80	7,80	
75	Lê Ngọc	Hải	3771021073	28/08/1995	3,00	,00	,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Trần Thế	Phúc	3771021083	01/04/1995	6,50	,50	2,30	
77	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	8,00	2,00	3,80	
78	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	8,50	5,50	6,40	
79	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	7,50	2,30	3,90	
80	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	8,50	4,80	5,90	
81	Đàm Mạnh	Hoàng	3771021310	23/08/1995	7,00	1,50	3,20	
82	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995	7,50	,00	2,30	
83	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994	6,00	,30	2,00	
84	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	8,50	8,80	8,70	
85	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	7,50	1,50	3,30	
86	Nguyễn Thanh	Quý	3771050208	06/09/1994	7,00	2,00	3,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)